

ĐỀ THI NGOẠI THẦN KINH Y5 2013

THỜI GIAN: 45 phút

1. Bệnh nhân kích thích đau mờ mắt, đáp ứng đau không chính xác, nói những từ vô nghĩa, có thang điểm Glasgow:

- A. 7
- B. 8
- ☒ C. 9
- D. 10
- E. 11

E2M4V3

2. Chỉ định chụp CT-Scan sọ não trong CTSN, điều nào sau đây không đúng:

- A. Bệnh nhân lơ mơ, nói nhảm
- ☒ B. Sưng bầm mắt
- C. Co giật sau chấn thương
- D. Chảy dịch trong qua mũi
- E. Đau đầu nhiều và liên tục

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 3&4): Bệnh nhân nữ, 50 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS=7 điểm, yếu 1/2 người trái, dẫn động từ bên phải, sưng to vùng thái dương trái.

3. Chẩn đoán lâm sàng được nghĩ đến nhiều nhất trên bệnh nhân này:

- ☒ A. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương phải
- B. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu phải
- C. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương trái
- D. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu trái.
- E. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính tiểu não phải

4. Chỉ định cận lâm sàng hợp lý nhất trên bệnh nhân này:

- ☒ A. CT-Scanner sọ não không bơm thuốc cản quang.
- B. MRI sọ não
- C. XQ sọ
- D. CT-Scanner sọ não có bơm thuốc cản quang
- E. Chụp mạch máu não (Angiography)

5. Bệnh nhân nam, 70 tuổi có tiền sử tăng huyết áp được điều trị liên tục từ 20 năm nay. Bệnh nhân được đưa vào bệnh viện vì yếu dần 1/2 người phải. Qua khai thác bệnh sử ghi nhận bệnh nhân có chấn thương đầu cách nay 1 tháng nhưng chỉ điều trị nội khoa, 2 tuần nay xuất hiện yếu dần 1/2 người phải.

Chẩn đoán lâm sàng đúng nhất

- A. U não
- B. Tai biến mạch máu não
- ☒ C. Máu tụ dưới màng cứng mãn tính
- D. Xuất huyết khoang dưới nhện
- E. Abscess não

6. Máu tụ dưới màng cứng cấp tính do CTSN, điều nào sau đây đúng:

- A. Nguyên nhân là do đứt động mạch não giữa
- B. Thường có khoang tĩnh
- ☒ C. Thường kèm theo dập não
- D. Tiên lượng đa số là tốt
- E. Thường kèm theo nứt sọ

7. Bệnh nhân nam 18 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS=5 điểm, dẫn động từ phải, yếu $\frac{1}{2}$ người trái, sưng to vùng trán-thái dương phải.

Chẩn đoán lâm sàng đúng nhất

- ☒ A. CTSN nặng, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương phải
- B. CTSN nặng, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu phải
- C. CTSN nặng, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương trái
- D. CTSN nặng, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu trái
- E. CTSN nặng, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính tiểu não phải

8. Bệnh nhân nam 28 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận:

BN hôn mê GCS=5 điểm, đã đặt nội khí quản và đang bóp bóng giúp thở, đồng tử hai bên 5 mm, mất phản xạ ánh sáng, còn phản xạ mắt búp bê.

Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg

Sưng nề vùng chẩm 2 bên.

BN được chụp CT-Scanner sọ não có kết quả như sau: dập não kèm máu tụ trong não trán hai bên, phù não lan tỏa, xóa các bể dịch não tủy trước cầu não và quanh thân não.

Phương pháp điều trị đúng nhất:

- ☒ A. Phẫu thuật cấp cứu
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.
- D. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ.
- E. Phẫu thuật sau 24 giờ.

9. Sau một CTSN, có nước trong chảy ra từ mũi là do:

- A. Viêm xoang sau chấn thương
- ☒ B. Vỡ sụn sọ trước
- C. Vỡ xương thái dương
- D. Tắc lệ đạo sau chấn thương
- E. Viêm mũi

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 10, 11, 12): Bệnh nhân nam, 40 tuổi vào cấp cứu sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân tỉnh táo, GCS=15 điểm, không dấu thần kinh khu trú, vết thương da đầu phức tạp khoảng 6cm ở vùng đỉnh trái lộ sọ lõm.

10. Chẩn đoán lâm sàng trên bệnh nhân này:

- ☒ A. Vết thương sọ não
- B. Lún sọ hở
- C. Vết thương sọ não hở
- D. Chưa đủ dữ kiện lâm sàng để chẩn đoán xác định

11. Sau khi có chẩn đoán xác định là vết thương sọ não, điều trị đúng trên bệnh nhân này là:

- A. Khâu vết thương tại phòng cấp cứu, dùng kháng sinh và cho về nhà.
- B. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não
- ☒ C. Nhập viện, phẫu thuật cấp cứu và dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não.
- D. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng và phẫu thuật sau 1 tuần.
- E. Nhập viện theo dõi và phẫu thuật khi có biến chứng.

12. Trong những ngày đầu, biến chứng thường gặp và nguy hiểm đối với bệnh nhân này là

- ☒ A. Abscess não
- B. Viêm màng não
- C. Nhiễm trùng huyết
- D. Viêm não thất
- E. Động kinh

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 13&14): Bệnh nhân nữ, 42 tuổi đến khám bác sĩ vì có cơn co giật cục bộ sau đó toàn thể hóa. Qua khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân có cơn co giật đầu tiên cách nay khoảng 6 tháng, cơn kéo dài khoảng 3 phút và có mất ý thức trong cơn, sau cơn trở lại bình thường. Cơn co giật lần 2 xảy ra cách nay 1 ngày và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy yếu nhẹ $\frac{1}{2}$ người bên phải.

13. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất:

- A. Máu tụ trong não tự phát
- B. Túi phình mạch máu não
- C. Máu tụ dưới màng cứng mãn tính
- ☒ D. U não
- E. Viêm não.

14. Các cận lâm sàng cần làm để chẩn đoán trên bệnh nhân này (tối ưu nhất)

- A. Điện não đồ
- B. Điện não đồ+huyết thanh chẩn đoán ký sinh trùng
- C. MRI não
- ☒ D. CT-Scan não+điện não đồ
- E. Điện não đồ+MRI não.

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 15 và 16): Bệnh nhân nam 40 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận:

BN hôn mê GCS=7 điểm, đã đặt nội khí quản và đang bóp bóng giúp thở; đồng tử hai bên phải 5 mm, mất phản xạ ánh sáng; đồng tử trái 3 mm, còn đáp ứng với ánh sáng.

Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg

Sưng nề vùng cằm trái.

BN được chụp CT-Scanner sọ não có kết quả như sau: máu tụ dưới màng cứng cấp tính lan tỏa bán cầu não phải, đẩy lệch đường giữa sang trái 10 mm, giãn não thất bên trái, xóa bể dịch não tủy quanh thân não.

15. Phương pháp điều trị đúng nhất:

- ☒ A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ, giải ép
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.
- D. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ.
- E. Phẫu thuật sau 24 giờ.

16. Bệnh nhân này được phẫu thuật mở sọ lấy máu tụ và giải ép não. Sau mổ 6 giờ, thăm khám lại bệnh nhân ghi nhận:

Bệnh nhân hôn mê, GCS=5 điểm

Đồng tử phải 5 mm, mất phản xạ ánh sáng; đồng tử trái 3mm, còn phản xạ ánh sáng

Vết mổ phồng căng

Mạch, HA: ổn định

Thái độ xử trí lúc này:

- A. Tiếp tục điều trị chống phù não
- B. Phẫu thuật lại
- ☒ C. Chụp CT-Scan sọ não khẩn

D. Theo dõi, đánh giá lại sau 4 giờ nữa

E. Đặt hệ thống theo dõi áp lực nội sọ

17. Đau nước. Chọn câu sai:

☒ A. Triệu chứng lâm sàng thường không đặc hiệu và khó chẩn đoán

B. Gây dẫn rộng não thất và tăng áp lực nội sọ

C. Có thể diễn tiến cấp tính gây tử vong

D. Triệu chứng có thể khác nhau ở trẻ nhỏ và trẻ lớn

E. Câu B, C đúng

18. Bệnh đau nước trẻ em.

A. Thường chỉ phát hiện được sau sanh

B. Không liên quan yếu tố di truyền

☒ C. Đau to là dấu hiệu đặc hiệu nhất

D. Tiến triển bệnh thay đổi theo thời gian

E. Chỉ cần chẩn đoán và điều trị nguyên nhân là đạt hiệu quả

19. Cơ chế bệnh đau nước. Chọn câu sai:

A. Do tăng tiết quá mức dịch não tủy (DNT)

B. Do u tủy gây tắc nghẽn lưu thông

C. Tình trạng kém hấp thu DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện

☒ D. U đám rối mạch mạc thường gây đau nước thông thương

E. Sự cân bằng giữa hấp thu, bài tiết DNT là tương đối

20. Liên quan đến bệnh đau nước:

A. Phát hiện dễ ở 3 tháng đầu thai kì bằng siêu âm 3, 4 chiều

B. Yếu tố nguy cơ: mẹ bị tiểu đường, cao huyết áp, tiền sản giật ...

C. Đa số trẻ bị chậm phát triển trí tuệ dù có điều trị tích cực

☒ D. Cho đến ngày nay VP shunt vẫn là phương pháp điều trị phổ biến

E. Nên khuyến cáo chấm dứt sớm thai kì ngay khi phát hiện

21. Điều trị bệnh đau nước. Chọn câu sai:

A. Tùy thuộc vào nguyên nhân

B. Tùy thuộc vào diễn tiến bệnh

C. Phẫu thuật nội soi mở thông sàn não thất III rất hiệu quả trong bệnh đau nước tắc nghẽn

D. Điều trị nội khoa ít quan trọng

☒ E. Không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau khi loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn

22. Đặc điểm thoát vị tủy - màng tủy. Chọn câu sai:

☒ A. Thường phát hiện rõ sau sanh từ 6 tháng tuổi

B. Gặp ở vùng thắt lưng - cùng

C. Có thể dò dịch não tủy

D. Có liên quan đến acid folic

E. Dễ nhiễm trùng nếu không can thiệp

23. Dị tật cột sống chẻ đôi:

☒ A. Do sự khép ống thần kinh không hoàn toàn

B. Xảy ra từ tuần 13 - 15 phôi thai

C. Phân biệt dị tật kín hay hở dựa vào thành phần trong khối thoát vị

D. Câu A, B đúng

E. Câu A, C đúng

24. Dị tật cột sống chẻ đôi kín:

A. Bao gồm: thoát vị tủy - màng tủy - mỡ, xoang bì, nang thần kinh - ruột ...

☒ B. Thường phát hiện trễ hơn dị tật hở

C. Đôi khi có biến chứng nhiễm trùng

D. Câu A, B đúng

- E. Câu A, B, C đúng
25. Biểu hiện ngoài da ở vùng cột sống bị dị tật chẻ đôi. Chọn câu sai:
- A. Khối u mỡ trên đường giữa, cạnh giữa cột sống
 - B. Rậm lông
 - C. Ấn lõm hình đồng tiền
 - D. Bướu máu
 - ☒ E. Ấn lõm vùng cùng cụt, giữa rãnh gian mông
26. Tầm soát dị tật ống thần kinh:
- A. Thực hiện trong 3 tháng đầu thai kỳ
 - B. Các xét nghiệm: siêu âm thai, AFP, chọc ối
 - C. Luôn được khuyến cáo phá thai khi có chẩn đoán dương tính
 - D. Có thể bỏ sót 30 – 50% trường hợp
 - ☒ E. Tất cả đúng
27. Trong dị tật cột sống chẻ đôi, các trường hợp sau đây cần được xem xét mổ khẩn:
- A. Thoát vị tủy – màng tủy hở
 - B. Thoát vị màng tủy mà màu sắc da trên khối thoát vị trở nên dần mông, hoại tử
 - C. Nang xoang bì chưa có biểu hiện nhiễm trùng
 - ☒ D. Câu A, B đúng
 - E. Cả 3 câu đều đúng
28. Mục tiêu của phẫu thuật thoát vị tủy – màng tủy:
- A. Tạo hình hoàn chỉnh các cấu trúc giải phẫu ban đầu của ống thần kinh
 - B. Phòng ngừa nhiễm trùng tại chỗ
 - ☒ C. Phục hồi khiếm khuyết chức năng thần kinh
 - D. Giảm tỉ lệ đầu nước tiểu triển trong 6 tháng đầu
 - E. Câu A, B, C đúng
29. Biểu chứng muộn trong dị tật cột sống chẻ đôi gồm. Chọn câu sai:
- A. Bàng quang thần kinh
 - B. Táo bón kéo dài
 - C. Teo cơ 2 chân
 - D. Vẹo cột sống
 - ☒ E. Chậm phát triển trí tuệ nghiêm trọng

Bệnh cảnh lâm sàng: (từ câu 30-33)

Bệnh nhân nam, 40 tuổi, bệnh có tiền căn đau lưng 3 năm nay, thỉnh thoảng khi đi lại nhiều bệnh nhân thấy đau lan xuống chân trái. Trước nhập viện 1 ngày sau khi khiêng tấm phản trong nhà, bệnh nhân đột ngột thấy đau vùng thắt lưng lan dọc xuống 2 chân và không đứng dậy được. Bệnh nhân được đưa đến phòng khám tư nhân và được tiêm thuốc giảm đau, sau tiêm thuốc bệnh có đỡ đau hơn nên về nhà nhưng do vẫn không đứng dậy được nên nhập viện cấp cứu.

- Tại phòng cấp cứu bệnh nhân khai thấy đỡ đau lưng nhiều, còn tê dọc xuống hai mông, mới đi tiểu được cách 2 giờ.

Khám:

- Bệnh nhân không thể gập đùi vào bụng được, sức cơ này bên trái 1/5, bên phải 3/5.
- Các nhóm cơ khác của chi dưới bình thường 5/5
- Không có cầu bàng quang
- Mất phản xạ gối và gót 2 bên.
- Không dấu hiệu babinski.

30. Đúng trước bệnh nhân này cần khám thêm dữ kiện lâm sàng gì để giúp định hướng chẩn đoán

- A. Khám hậu môn, trực tràng (toucher rectal).
- B. Ấn dọc cột sống lưng tìm điểm đau.
- C. Khám cảm giác xung quanh vùng hội âm.

D. Khám các dấu hiệu căng rễ.

☒ E. Tất cả các dữ kiện trên.

31. Cận lâm sàng cần thiết nhất cần thực hiện cấp cứu trong trường hợp này

A. Chọc dò dịch não tủy lâm sinh hóa, tế bào, vi trùng.

B. X-Quang cột sống lưng thẳng nghiêng

C. Chụp tủy sống đồ (Myelography)

☒ D. MRI cột sống lưng.

E. CT- myelography.

32. Sau khi khảo sát cận lâm sàng tại cấp cứu, chúng tôi phát hiện bệnh nhân có một khối thoát vị đĩa đệm lớn trung tâm chèn ép vào rễ thần kinh. Theo Anh (Chị) vị trí thoát vị đó nằm ở đâu ?

A. D12-L1

B. L1-L2

C. L2-L3

☒ D. L3-L4

E. L4-L5

33. Với bệnh cảnh lâm sàng và hình ảnh học như trên thì hướng xử trí bệnh nhân này tại cấp cứu là

A. Cho nhập viện khoa ngoại thần kinh theo dõi và tiếp tục dùng thuốc giảm đau.

☒ B. Tiến hành phẫu thuật cấp cứu lấy nhân đệm.

C. Nhập vào nội thần kinh dùng thuốc và tập vật lý trị liệu.

D. Lưu lại cấp cứu vài giờ dùng thuốc giảm đau sau đó cho xuất viện điều trị ngoại trú.

E. Tất cả các xử trí trên đều sai.

Bệnh cảnh lâm sàng 2: (câu 34-37) Bệnh nhân nữ 60 tuổi, có tiền căn tăng huyết áp điều trị không liên tục 5 năm nay. Sáng ngày nhập viện bệnh nhân đột ngột đau đầu dữ dội sau đó hôn mê nên người nhà đưa vào viện cấp cứu.

Khám : Mạch 90l/p, HA 150/90 mmHg, T° 37°5

- Bệnh tình, tiếp xúc rất chậm

- Mắt phải sụp mí, dẫn đồng tử, lé ngoài

- Cổ gượng, có dấu kernig.

- Không yếu liệt chi.

34. Với bệnh cảnh này chẩn đoán lâm sàng được nghĩ nhiều nhất là:

A. Viêm màng não.

B. Viêm xoang hang.

☒ C. Đột quỵ xuất huyết não.

D. Xuất huyết dưới nhện.

E. Đò động mạch cảnh xoang hang.

35. Cận lâm sàng cần thiết nhất trước bệnh cảnh này là:

A. Chọc dò dịch não tủy lâm sinh hóa, tế bào vi trùng.

☒ B. Chụp Ctscan sọ não không cản quang

C. Chụp MRI sọ não không cản từ.

D. Chụp DSA mạch máu não.

E. Tất cả đều đúng.

36. Nguyên nhân có thể gặp gây ra bệnh cảnh này là:

A. Viêm màng não nên gây liệt dây sọ.

B. Đò động mạch cảnh trong xoang hang gây liệt dây sọ

C. Do vỡ túi phình động mạch thông sau bên trái.

D. Do vỡ túi phình động mạch đỉnh thân nền.

☒ E. Do xuất huyết não gây tụt não qua lều tiểu não.

37. Với bệnh cảnh lâm sàng và nguyên nhân như vậy cần cho bệnh nhân nhập vào khoa nào là phù hợp nhất:

- A. Ngoại thần kinh
- B. Nội thần kinh
- ☒ C. Hồi sức ngoại thần kinh
- D. Khoa lão khoa
- E. Nằm lại cấp cứu theo dõi vài giờ khi tình trạng bệnh ổn định thì cho bệnh nhân xuất viện.

Bệnh cảnh lâm sàng 3: (câu 38-40) Bệnh nhân nam 59 tuổi, có tiền căn động kinh toàn thể 3 năm nay đang được điều trị bằng Deparkin 500mg, 2 viên/ngày. Ngày nhập viện người nhà phát hiện bệnh nhân bất tỉnh nằm trong toilet nên đưa bệnh nhân đến bệnh viện cấp cứu.

Tại cấp cứu: M 90l/p, HA 140/90mmHg, T° 37°5.

- Bệnh tình chậm, đau đầu
- Có dấu cổ gượng, dấu Kernig
- Không dấu thần kinh khu trú

38. Hình ảnh học cần thiết nhất được đề nghị tại cấp cứu là:

- ☒ A. Ctscan sọ não không cản quang.
- B. Ctscan sọ não có cản quang.
- C. MRI sọ não không cản từ
- D. MRI sọ não có cản từ.
- E. MR-Angiography.

39: Kết quả hình ảnh học cho thấy có hình ảnh vôi hóa đường kính 2x3 cm nằm vùng đỉnh phải và hình ảnh xuất huyết dưới nhện vùng khe sylvien bên (P). Vậy cận lâm sàng cần thiết nhất để giúp chẩn đoán nguyên nhân là:

- A. CT-Angiography.
- B. MR-Angiography.
- C. DSA mạch máu não.
- D. Chọc dò dịch não tủy làm sinh hóa, tế bào, vi trùng
- ☒ E. Tất cả câu trên đều đúng.

40. Nguyên nhân thường gặp nhất trên bệnh nhân này là.

- A. Khối dị dạng mạch máu não xuất huyết.
- B. U não xuất huyết
- C. Túi phình mạch máu não xuất huyết.
- ☒ D. Dị dạng mạch máu não kèm túi phình xuất huyết .
- E. Tất cả câu trên đều đúng.

41. Bệnh nhân bị chèn ép tủy ở D10, triệu chứng lâm sàng nào sau đây không gặp.

- A. Yếu hai chân
- B. Tăng phản xạ gân, gối hai bên
- ☒ C. Có dấu hiệu Hoffmann
- D. Có dấu hiệu Babinski

42. Khi khám cảm giác ở bệnh nhân có chèn ép tủy ở đoạn D10 này phát hiện bệnh nhân có giảm cảm giác từ:

- A. Ngang vai trở xuống .
- B. Ngang núm vú trở xuống.
- ☒ C. Ngang rốn trở xuống
- D. Ngang bẹn trở xuống.

43. Cận lâm sàng nào thường được sử dụng nhất trong bệnh nhân có chèn ép tủy D10 này:

- A. CTscan
- ☒ B. MRI có bơm thuốc cản từ

C. Chụp tuỷ sống đồ

D. XQ cột sống ngực

44. Bệnh nhân có giảm cảm giác từ ngang núm vú trở xuống thì tương ứng với thương tổn ở đoạn:

☒ A. D5

B. D7

C. D10

D. L1

45. Bệnh nhân có giảm cảm giác từ ngang mồm mũi kiểng xương ức trở xuống thì tương ứng với thương tổn ở đoạn:

A. D5

☒ B. D7

C. D10

D. L1

46. Bệnh nhân có giảm cảm giác từ ngang bẹn trở xuống thì tương ứng với thương tổn ở đoạn:

A. D5

B. D7

C. D10

☒ D. L1

47. Trên bệnh nhân có hội chứng chèn ép tuỷ, để xác định vị trí thương tổn người ta thường dựa vào dấu hiệu nào:

A. Dấu hiệu Hoffmann, Babinski

B. Rối loạn cơ vòng.

☒ C. Ranh giới của giảm cảm giác.

D. Phản xạ gân cơ.

48. Triệu chứng lâm sàng nào không gặp trong hội chứng chùm đuôi ngựa:

A. Yếu, liệt hai chân

B. Rối loạn cơ vòng

C. Giảm cảm giác vùng hội âm

☒ D. Có dấu hiệu Babinski

49. Nguyên nhân thường gặp nhất của hội chứng chùm đuôi ngựa người trẻ là:

A. U nội tuỷ

B. U di căn cột sống

☒ C. Thoát vị đĩa đệm lưng

D. Thoát vị đĩa đệm cổ

E. Tất cả câu trên đều đúng.

Từ câu 49 đến câu 54: gán kết hội chứng với mô tả

A. Hội chứng chèn ép rễ L4

B. Hội chứng chèn ép rễ L5

C. Hội Chứng chèn ép rễ S1.

D. Hội chứng chèn ép chùm rễ thần kinh đuôi ngựa

E. Hội chứng chèn ép tuỷ ngực

A 50. Bn đau lan dọc mặt trước đùi, kèm theo tê mặt trước đùi, yếu động tác duỗi cẳng chân, giảm phản xạ gân xương gối .

C 51. Bn đau lan dọc mặt sau chân, tê cạnh ngoài bàn chân, giảm phản xạ gân xương gót.

D 52. Bn đau lan dọc xuống chân, tê cẳng chân bàn chân, teo cơ cẳng chân, mất phản xạ gân xương gót, giảm cảm giác vùng môn-hậu môn sinh dục, tiểu không kiểm soát.

E 53. Bn tê dọc chân, yếu chân, tăng phản xạ gân xương gối và gót, có dấu Babinski.

B 54. Bn đau dọc mông, mặt sau ngoài đùi, mặt ngoài cẳng chân, yếu động tác duỗi ngón chân cái.